

BÁO CÁO

Ước thực hiện thu, chi ngân sách địa phương năm 2024

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp Ngân sách.

Thực hiện Công văn số 1279/UBND-KT ngày 16 tháng 4 năm 2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thực hiện công khai ngân sách nhà nước;

Sở Tài chính báo cáo ước thực hiện thu, chi ngân sách địa phương năm 2024 như sau:

1. Về Thu ngân sách

Tổng thu ngân sách HĐND tỉnh giao đầu năm là 19.515.000 triệu đồng, ước thực hiện thu ngân sách địa phương năm 2024 trên địa bàn đạt 19.680.000 triệu đồng, đạt 122,1% dự toán Trung ương giao, bằng 100,8% dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 98,4% cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- Thu nội địa thực hiện được 17.010.000 triệu đồng, bằng 100,1% dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 98,7% cùng kỳ năm trước.
- Thu xuất nhập khẩu đạt 2.550.000 triệu đồng, bằng 102% dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 94,4% cùng kỳ năm trước.
- Thu viện trợ đạt 15.000 triệu đồng, bằng 100% dự toán HĐND tỉnh giao.
- Thu huy động, đóng góp đạt 105.000 triệu đồng.

(Chi tiết tại Biểu số 60/CK-NSNN)

2. Về chi ngân sách

Tổng chi ngân sách HĐND tỉnh giao đầu năm là 20.400.000 triệu đồng, ước thực hiện chi ngân sách địa phương năm 2024 đạt 19.257.882 triệu đồng, đạt 116,4% dự toán Trung ương giao, bằng 94,4% dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 104,8% cùng kỳ năm trước, trong đó:

- Chi cân đối ngân sách đạt 17.208.882 triệu đồng, bằng 93,8% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 105,4% cùng kỳ năm trước, cụ thể: Chi đầu tư phát triển

đạt 6.012.000 triệu đồng (bằng 86,7% dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 101,1% cùng kỳ năm trước); chi thường xuyên đạt 9.849.000 triệu đồng (bằng 101,3% dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 105,2% cùng kỳ năm trước); chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay đạt 58.737 triệu đồng (bằng 100% dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 170,1% cùng kỳ năm trước); chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính đạt 1.000 triệu đồng (bằng 100% dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 100% cùng kỳ năm trước); Chi tạo nguồn, điều chỉnh lương đạt 1.288.145 triệu đồng (bằng 100% dự toán HĐND tỉnh giao).

- Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSĐP đạt 1.929.000 triệu đồng, bằng 94% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 93,7% cùng kỳ năm trước.

(Chi tiết tại Biểu số 61/CK-NSNN)

Trên đây là báo cáo ước thực hiện thu chi ngân sách địa phương năm 2024 của Sở Tài chính Thái Nguyên./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
 - Lưu: VT,QLNS.
- (Thuydv)*

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Thị Ngọc

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 4947/STC-QLNS ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Sở Tài chính Thái Nguyên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	19.515.000	20.888.800	107,0	65,7
I	Thu cân đối NSNN	19.515.000	19.680.000	100,8	98,4
1	Thu nội địa	17.000.000	17.010.000	100,1	98,7
2	Thu từ dầu thô	0	0	0,0	0,0
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	2.500.000	2.550.000	102,0	94,4
4	Thu viện trợ	15.000	15.000	100,0	0,0
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	1.208.800	1.208.800	100,0	10,2
B	TỔNG CHI NSDP	20.400.000	19.257.882	94,4	104,8
I	Chi cân đối NSDP	18.347.115	17.208.882	93,8	105,4
1	Chi đầu tư phát triển	6.937.535	6.012.000	86,7	101,1
2	Chi thường xuyên	9.719.009	9.849.000	101,3	105,2
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	58.737	58.737	100,0	170,1
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100,0	100,0
5	Dự phòng ngân sách	342.689	0	0,0	0,0
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	2.052.885	1.929.000	94,0	93,7
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	0	0	0,0	0,0
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	92.031	92.031	100,0	135,1

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 4947/STC-QLNS ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Sở Tài chính Thái Nguyên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	19.515.000	19.680.000	100,8	98,4
I	Thu nội địa	17.000.000	17.010.000	100,1	98,7
1	Thu từ khu vực DNNN	989.000	904.000	91,4	95,2
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	4.450.000	4.250.000	95,5	90,1
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.890.000	1.800.000	95,2	102,9
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.300.000	1.350.000	103,8	108,0
5	Thuế bảo vệ môi trường	350.000	390.000	111,4	118,2
6	Lệ phí trước bạ	430.000	430.000	100,0	107,5
7	Thu phí, lệ phí	230.000	230.000	100,0	117,3
8	Các khoản thu về nhà, đất	6.426.000	6.428.000	100,0	101,8
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>	0			
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	26.000	28.000	107,7	107,7
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	5.100.000	5.100.000	100,0	112,3
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	1.300.000	1.300.000	100,0	74,5
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>	0	0	0,0	0,0
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	280.000	555.000	198,2	79,3
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	5.000	6.000	120,0	18,8
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	15.000	25.000	166,7	192,3
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	5.000	12.000	240,0	150,0
13	Thu khác ngân sách	630.000	630.000	100,0	110,5
II	Thu từ dầu thô	0	0		
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	2.500.000	2.550.000	102,0	94,4
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	2.412.000	2.462.000	102,1	97,1
2	Thuế xuất khẩu	47.000	47.000	100,0	94,0
3	Thuế nhập khẩu	40.000	40.000	100,0	36,7
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu	0	0	0,0	0,0
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	0	0	0,0	0,0
6	Thu khác	1.000	1.000	0,0	161,8
IV	Thu viện trợ	15.000	15.000	100,0	0,0
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	16.187.160	16.187.160	100,0	100,1
1	Từ các khoản thu phân chia	7.844.160	7.844.160	100,0	99,5
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	8.343.000	8.343.000	100,0	100,7

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 4947/STC-QLNS ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Sở Tài chính Thái Nguyên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	TỔNG CHI NSDP	20.400.000	19.257.882	94,4	106,0
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	18.347.115	17.208.882	93,8	112,2
I	Chi đầu tư phát triển	6.937.535	6.012.000	86,7	101,1
1	Chi đầu tư cho các dự án	6.560.169	5.626.670	85,8	100,9
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	0	0	0,0	0,0
3	Chi đầu tư phát triển khác	377.366	385.330	102,1	104,0
II	Chi thường xuyên	9.719.009	9.849.000	101,3	105,2
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.240.532	4.385.523	103,4	111,3
2	Chi khoa học và công nghệ	33.271	33.271	100,0	100,7
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	783.377	783.377	100,0	102,5
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	212.986	212.986	100,0	93,1
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	70.527	70.527	100,0	97,1
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	65.038	65.038	100,0	92,8
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	224.414	224.414	100,0	98,6
8	Chi sự nghiệp kinh tế	1.221.739	1.221.739	100,0	100,6
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.983.521	1.983.521	100,0	109,8
10	Chi bảo đảm xã hội	475.566	475.566	100,0	89,4
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	58.737	58.737	100,0	170,1
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100,0	100,0
V	Dự phòng ngân sách	342.689	0	0,0	0,0
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	2.052.885	1.929.000	94,0	93,7
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	711.898	600.913	84,4	113,9
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1.272.400	1.259.500	99,0	87,4
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	68.587	68.587	100,0	76,2